



CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG CỦA HỆ THỐNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

NGUYỄN THÁI MỸ ANH

Giai đoạn 2016-2020 cho thấy, một số dấu hiệu chưa khả quan trong hoạt động kinh doanh tiền tệ tại các quỹ Tín dụng nhân dân tỉnh Trà Vinh. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian được thu thập từ số liệu thứ cấp của hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân tại tỉnh Trà Vinh (2016-2020) để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng của các Quỹ tín dụng nhân dân nói trên. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu, kết hợp tham khảo ý kiến của chuyên gia, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng về tăng trưởng tín dụng một cách hiệu quả, ổn định và an toàn đối với các Quỹ Tín dụng nhân dân tại tỉnh Trà Vinh trong thời gian tới.

Từ khóa: Tăng trưởng tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân, Trà Vinh

FACTORS AFFECTING CREDIT GROWTH OF THE PEOPLE'S CREDIT FUND SYSTEM OF TRA VINH PROVINCE

Nguyen Thai My Anh

The survey for the period (2016-2020) showed some unsatisfactory signs in currency trading activities at people's credit funds of Tra Vinh province. This study uses time series data collected from secondary data of the people's credit fund system in Tra Vinh province (2016-2020) to determine the factors affecting credit growth of these funds mentioned above. On the basis of research results, in combination with expert consultation, the article proposes a number of solutions to improve the quality of credit growth in an effective, stable and safe manner for the people's credit funds in Tra Vinh province in the coming time.

Keywords: Credit growth, people's credit fund, Tra Vinh

Ngày nhận bài: 11/2/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 25/2/2022

Ngày duyệt đăng: 4/3/2022

Cơ sở lý thuyết

Kashif Imran và cộng sự (2013) tiến hành nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng (TTTTD) của các tổ chức tín dụng tư nhân bằng phương pháp định lượng với dữ liệu chuỗi thời

gian (1971-2010) tại Pakistan. Nghiên cứu đã sử dụng những biến độc lập: Du nợ cho vay, tiền gửi huy động, tỷ giá hối đoái, lạm phát, tăng trưởng kinh tế được đo lường bởi biến phụ thuộc TTTD. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dư nợ cho vay, tiền gửi huy động, tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng đến TTTD trong dài hạn nhưng lạm phát và tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng đến TTTD.

Lê Tấn Phước (2016) nghiên cứu phân tích một số yếu tố tác động đến TTTD của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam bằng phương pháp định lượng với dữ liệu chuỗi thời gian (2008-2015). Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ huy động vốn, tỷ lệ vốn chủ sở hữu, tỷ lệ thanh khoản, quy mô tổng tài sản, lãi suất, tăng trưởng GDP tác động cùng chiều với TTTD. Trái lại, tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ lạm phát tác động ngược chiều với TTTD đối với các NHTM Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên cơ sở các tài liệu nghiên cứu khoa học trước đây, tác giả xây dựng giả thuyết nghiên cứu này với các biến độc lập bao gồm: Tỷ lệ vốn huy động (TLVHD), Tỷ lệ nợ xấu (TLNX), Tỷ lệ vốn (TLVHD), Tỷ lệ thanh khoản (TLTK), Quy mô tổng tài sản (QMTTS), Lãi suất danh nghĩa (LS), Tăng trưởng kinh tế (GDP), Tỷ lệ lạm phát (CPI). Nghiên cứu đo lường sự tác động của các biến độc lập đến biến phụ thuộc đó là tăng trưởng tín dụng, trong đó có những biến độc lập mang giá trị dương (+) hoặc mang giá trị âm (-) tác động đến

biến phụ thuộc, được thể hiện như sau:

- H1: TLVHD tác động cùng chiều (+) với TTTD;
- H2: TLNX tác động ngược chiều (-) với TTTD;
- H3: TLVHD tác động cùng chiều (+) với TTTD;
- H4: TLTK tác động cùng chiều (+) với TTTD;
- H5: QMTTS tác động cùng chiều (+) với TTTD;
- H6: LS tác động cùng chiều (+) với TTTD;
- H7: GDP tác động cùng chiều (+) với TTTD;
- H8: CPI tác động ngược chiều (-) với TTTD.

Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp từ 16 QTDND tại tỉnh Trà Vinh (2016-2020). Bằng phương pháp định lượng, tác giả sử dụng phần mềm Stata 15.1 để đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng tín dụng của các QTDND tỉnh Trà Vinh (2016-2020). Mô hình nghiên cứu tổng quát có dạng như sau:

$$TTTD_{it} = \beta_0 + \beta_1 TLVHD_{i1} + \beta_2 TLNX_{i2} + \beta_3 TLVON_{i3} + \beta_4 TLTK_{i4} + \beta_5 QMTTS_{i5} + \beta_6 LS_{i6} + \beta_7 GDP_{i7} + \beta_8 CPI_{i8} + \epsilon_{it}$$

Trong đó:

Các biến độc lập bao gồm: TLVHD: Tổng vốn huy động/Tổng tài sản; TLNX: Nợ xấu/Tổng dư nợ; TLVON: (Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản); TLTK: Tài sản thanh khoản/Tổng tài sản; QMTTS được tính Logarith; LS: Lãi suất danh nghĩa; GDP: Tăng trưởng kinh tế; CPI: Tỷ lệ lạm phát. Và biến phụ thuộc: TTTD: (Tổng dư nợ năm t - Tổng dư nợ năm(t-1))/Tổng dư nợ năm (t-1); và i: 1, 2, 3, 4,... 16 (Số lượng của 16 QTDND); t: 1, 2, 3, 4, 5 (Số năm của dữ liệu thứ cấp: từ 2016 - 2020); wit: Hạng nhiễu gộp.

Kết quả kiểm định

Nghiên cứu tiến hành thực hiện chạy hai mô hình Fixed Effects (FEM) và mô hình Random (REM) kết hợp việc thực hiện kiểm định Hausman. Kết quả cho thấy: Prob > chi2 = 0,0003 tương ứng P value = 0,0003 < 0,05 nên trong trường hợp này nghiên cứu đã lựa chọn mô hình FEM

Nghiên cứu sử dụng kiểm định Wald để kiểm định phương sai số thay đổi. Kết quả cho thấy, Prob > chi2 = 0,0402 < 0,05 làm xuất hiện hiện tượng làm phương sai số thay đổi. Vì thế, nghiên cứu đã sử dụng lệnh Robust để khắc phục cho hiện tượng phương sai số thay đổi và kết quả cho thấy có 3 biến độc lập: TLVON; TLTK và LS đều có ảnh hưởng đến TTTD.

Nghiên cứu sử dụng kiểm định Wooldridge được thực hiện theo dữ liệu bảng với lệnh xtserial, kết quả kiểm định cho thấy, giá trị của Prob > F = 0,1329 > 0,10 có nghĩa là mô hình nghiên cứu này không có hiện tượng tương quan chuỗi.

Nghiên cứu dùng kiểm định Collin cho mô hình

FEM để đo lường TTTD. Kết quả cho thấy: Các biến độc lập đều đạt giá trị VIF < 10, có nghĩa mô hình nghiên cứu này không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Kết quả nghiên cứu

Từ bảng kết quả nghiên cứu mô hình FEM được đo lường bởi TTTD cho thấy: Hệ số Coef của các biến độc lập kết hợp với giá trị đạt được $P > |t| < 0,05$.

Theo Karen Grace-Martin, β_0 là hằng số (hệ số chặn) chỉ có ý nghĩa với biến phụ thuộc khi các biến độc lập đều đạt giá trị bằng 0. Trong mô hình nghiên cứu này, β_0 là hằng số chỉ có ý nghĩa với biến phụ thuộc TTTD khi các biến độc lập: TLVON, TLTK, LS đạt giá trị bằng 0 nhưng điều này không xảy ra trong mô hình nghiên cứu này nên β_0 cũng không làm ảnh hưởng đến mô hình. Vì vậy, phương trình của mô hình nghiên cứu này có dạng tổng quát như sau:

$$TTTD_{it} = -0,3162949 - 6,440274 TLVON_{i3} - 5,899569 TLTK_{i4} + 0,0543053 LS_{i6} + \epsilon_{it}$$

Kết quả mô hình nghiên cứu với giá trị P value: $P > |t| < 0,05$ cho thấy có 3 biến độc lập có mức ý nghĩa đạt 95%: TLVON, TLTK, LS, trong đó có 2 biến độc lập: TLVON, TLTK có hệ số Coef đạt giá trị âm (-) tương ứng lần lượt: (- 6,440274) và (-5,899569) tác động ngược chiều so với TTTD theo giả định lý thuyết. Điều này trên thực tế có ý nghĩa rằng: Không phải lúc nào QTDND muốn gia tăng hoạt động tín dụng đạt hiệu quả thì đều thực hiện cách thức gia tăng về tỷ lệ vốn và tỷ lệ thanh khoản. Ngược lại, QTDND cần cân nhắc tính hiệu quả trong tăng trưởng tín dụng nhằm đảm bảo tính cân đối giữa tỷ lệ vốn và tỷ lệ thanh khoản.

Thêm vào đó, hệ số Coef của LS là loại lãi suất đang được các QTDND áp dụng vì nó đã bao gồm lạm phát. Theo kết quả của mô hình FEM, LS đạt giá

BẢNG KẾT QUẢ CỦA MÔ HÌNH FEM

R-sq: 0.5930		
TTTD	Coef	P> t
TLVHD	0,1690595	0,328
TLNX	0,0026432	0,146
TLVON	-6,440274	0,012***
TLTK	-5,899569	0,002***
QMTTS	-0,0036166	0,987
LS	0,0543053	0,000***
GDP	-0,9194588	0,156
CPI	-0,8318608	0,439
Cons	-0,3162949	0,796

Nguồn: Tác giả tính toán từ phần mềm Stata 15.1 từ số liệu thứ cấp được thu thập của 16 QTDND tại tỉnh Trà Vinh (2016-2020)



trị dương (+) tương ứng là 0,0543053 tác động cùng chiều với TTTD phù hợp với giả định lý thuyết, có ý nghĩa rằng khi LS tăng làm cho TTTD tăng. Theo kết quả mô hình nghiên cứu này, LS đạt mức ý nghĩa cao nhất $P > |t| = 0,000$ tương ứng mức ý nghĩa 99,9%, điều này nghĩa là LS tác động mạnh mẽ đến TTTD. Trái ngược với quan điểm chung cho rằng: Khi LS giảm thì TTTD sẽ có cơ hội gia tăng là chưa hoàn toàn phù hợp với thực tế bởi vì còn phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế thực tế biểu hiện theo hướng tích cực hay tiêu cực. Vì thế, kết quả nghiên cứu này cho thấy: Khi lạm phát gia tăng ở mức vừa phải là điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự phát triển về hoạt động tài chính dẫn đến sự phát triển kinh tế của từng địa phương. Cho nên, khi LS tăng ở mức độ hợp lý sẽ tác động tích cực đến nhu cầu sử dụng vốn của các thành viên trong nền kinh tế phát triển theo hướng tích cực. Do đó, LS giúp cho các QTDND có cơ hội gia tăng thêm thu nhập cho hoạt động tín dụng từ nguồn vốn sẵn có tại một số QTDND đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn vay của các thành viên và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động huy động vốn tiết kiệm. Vì thế, các QTDND tại tỉnh Trà Vinh cần xem xét kỹ lưỡng thị trường tiền tệ và sự phát triển kinh tế tại từng địa phương để có mức lãi suất phù hợp nhu cầu thực tế cho các thành viên tại các QTDND trong từng thời điểm nhằm đảm bảo cho hoạt động tăng trưởng tín dụng đạt được hiệu quả cao, ổn định, an toàn và đúng quy định.

Kết quả mô hình nghiên cứu FEM cho thấy, R-Square đạt giá trị 0,5930 có nghĩa là mô hình nghiên cứu chịu sự thay đổi của R-Square với giá trị tương ứng đạt 59,3% thông qua các biến độc lập: TLVHD, TLNX, TLVON, TLTK, QMTTS, LS, GDP và CPI.

Giải pháp đề xuất

Với các kết quả nghiên cứu nêu trên, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng TTTD một cách hiệu quả, ổn định và an toàn cho các Quỹ QTDND tỉnh Trà Vinh trong thời gian tới, cụ thể:

- *Tỷ lệ vốn (TLVON)*: QTDND cần nghiên cứu kỹ nhu cầu thực tế trên thị trường tiền tệ để xây dựng những sản phẩm, dịch vụ cho vay phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu và tạo dựng thêm lòng tin cho các thành viên tại QTDND. QTDND cũng cần gia tăng số lượng thành viên mới cả về số lượng và chất lượng nhằm giúp cho QTDND gia tăng thêm nguồn vốn trong hoạt động tín dụng góp phần đảm bảo tỷ lệ vốn để hoạt động tăng trưởng tín dụng của QTDND được ổn định và hiệu quả hơn.

- *Tỷ lệ thanh khoản (TLTK)*: QTDND cần gia tăng vốn tự có hợp lý, tăng đầu tư vào các loại tài sản "Có" có tính thanh khoản cao như tiền gửi tại ngân hàng hợp tác xã, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng thương mại đảm bảo an toàn vốn trong quá trình hoạt động và luôn duy trì tỷ lệ thanh khoản theo đúng quy định. Hơn nữa, QTDND cần đa dạng hóa các hình thức thanh toán và duy trì khả năng cân đối giữa tỷ lệ thanh khoản giữa hoạt động cho vay và hoạt động huy động vốn tiết kiệm. QTDND nên chủ động xây dựng chính sách khung riêng về quản lý rủi ro thanh khoản, tỷ lệ an toàn vốn theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, thiết lập các quy trình cụ thể có liên quan đến thanh khoản tại QTDND theo tình hình thực tế để ước lượng và kiểm soát những rủi ro có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản.

- *Lãi suất danh nghĩa (LS)*: QTDND cần chủ động thiết kế các chương trình tín dụng cho các thành viên với mức lãi suất cho vay và huy động một cách linh hoạt, hợp lý phù hợp với đặc thù riêng của từng địa phương và luôn tuân thủ đúng quy định. Đặc biệt, cần đơn giản hóa về thủ tục cho vay vốn, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên có cơ hội dễ dàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng tại các QTDND giúp cho hoạt động tăng trưởng tín dụng gia tăng khả năng cạnh tranh trong hoạt động tín dụng giữa các tổ chức tín dụng hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

1. Ngân hàng Nhà nước, Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động QTDND; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của TCTD; Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng;
2. Báo cáo hoạt động kinh doanh của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân Trà Vinh giai đoạn 2016-2020;
3. Lê Tấn Phước (2016), Một số yếu tố tác động đến tăng trưởng tín dụng ngân hàng thương mại Việt Nam, tạp chí Tài chính kỳ II tháng 12/2016, 10-14;
4. Vũ Hữu Thành (2014), Bài giảng: Phương pháp hồi quy dữ liệu bảng, Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh;
5. Imran, K., & Nishatm, M. (2013), Determinants of Bank Credit in Pakistan: A Supply Side Approach. *Economic Modeling*, 35(C), 384-390.

Thông tin tác giả:

ThS. Nguyễn Thái Mỹ Anh
 Trường Đại học Trà Vinh
 Email: myanh@tvu.edu.vn